

MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

LỚP 1

LỚP 1, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Cơ thể người

- Các bộ phận của cơ thể người.
- Các giác quan.

2. Vệ sinh phòng bệnh

- Vệ sinh cơ thể phòng bệnh ngoài da.
- Vệ sinh các giác quan, phòng bệnh cho các giác quan.
- Vệ sinh răng, miệng, phòng bệnh răng.

3. Dinh dưỡng

- Ăn đủ, uống đủ.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Chỉ và gọi tên đúng được ba phần chính và một số bộ phận bên ngoài của cơ thể; nêu được tên 5 giác quan và vai trò của chúng.

- Hiểu được sự cần thiết phải giữ vệ sinh thân thể, răng miệng; ăn uống đầy đủ để mau lớn và khoẻ mạnh.

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh thân thể và các giác quan; đánh răng, rửa mặt sạch sẽ và đúng cách.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.1.1	Nhận biết về cơ thể người			
1.1.1.1	Chỉ và nói tên ba phần chính: đầu, mình và chân tay. Nhận biết được các em đang lớn lên			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.1.1.2	Chỉ và nói được một số bộ phận bên ngoài của cơ thể (tóc, tai, mắt, mũi, miệng, tay, chân, lưng, bụng,...)			
1.1.1.3	Nêu được tên 5 giác quan và vai trò của chúng			
1.1.2	Biết được sự cần thiết phải giữ vệ sinh thân thể, răng miệng; ăn uống đầy đủ để mau lớn và khoẻ mạnh			
1.1.2.1	Nói được sự cần thiết phải giữ vệ sinh thân thể, răng miệng và bảo vệ các giác quan			
1.1.2.2	Kể được tên những thức ăn, đồ uống hàng ngày			
1.1.2.3	Nêu được tác dụng của việc ăn uống đầy đủ hàng ngày để mau lớn và khoẻ mạnh			
1.1.3	Biết cách vệ sinh thân thể và các giác quan; đánh răng, rửa mặt sạch sẽ và đúng cách			
1.1.3.1	Nêu được các việc nên làm và không nên làm để giữ vệ sinh thân thể, bảo vệ các giác quan			
1.1.3.2	Đầu tóc gọn gàng, quần áo, tay chân sạch sẽ			
1.1.3.3	Tham gia đầy đủ các hoạt động thể dục của trường, lớp			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI, LỚP 1

Bảng tham chiếu giữa học kì I gồm 3 tiêu chí và 8 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 6/8 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Như vậy là có 1 – 2 chỉ báo học sinh chỉ thực hiện ở mức hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo được thực hiện ở mức độ hoàn thành như: Học sinh nói được sự cần thiết phải giữ vệ sinh thân thể, răng miệng và bảo vệ các giác quan (chỉ báo 1.1.2.1) nhưng còn cần sự giúp đỡ thêm của giáo viên. Học sinh nêu được các việc nên làm và không nên làm để giữ vệ sinh thân thể và bảo vệ các giác quan (chỉ báo 1.1.3.1) nhưng chưa thật thành thạo. Còn các chỉ báo còn lại được thực hiện đầy đủ và thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 7/8 số chỉ báo trên với mức hoàn thành và hoàn thành tốt. Tức là có 1 chỉ báo còn đạt ở mức chưa hoàn thành. Ví dụ học sinh chưa tham gia các hoạt động thể dục

của trường lớp (chỉ báo 1.1.3.3). Các chỉ báo còn lại đều được cơ bản hoàn thành hoặc hoàn thành thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 2/8 chỉ báo chưa hoàn thành. Ví dụ như học sinh chưa nói được sự cần thiết phải giữ gìn vệ sinh thân thể, răng miệng và bảo vệ các giác quan (chỉ báo 1.1.2.1); Học sinh cũng chưa nêu được tác dụng của việc ăn uống đầy đủ để mau lớn và khoẻ mạnh,... (chỉ báo 1.1.2.3).

LỚP 1, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Cuộc sống gia đình

- Các thành viên trong gia đình.
- Nhà ở và các đồ dùng trong nhà.
- Vệ sinh nhà ở.
- An toàn khi ở nhà.

2. Trường học

- Các thành viên trong lớp học.
- Các đồ dùng trong lớp học.
- Vệ sinh lớp học.

3. Địa phương

- Thôn, xóm, xã hoặc đường phố, phường nơi đang sống.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Kể được tên các thành viên, các công việc của các thành viên và các đồ dùng trong gia đình.
- Kể tên các thành viên của lớp học và các đồ dùng ở lớp học
- Biết cách phòng tránh tai nạn khi ở nhà; Biết giữ gìn lớp học sạch đẹp
- Nêu được một số cảnh quan thiên nhiên và công việc của người dân

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.2.1	Kể được tên các thành viên, các công việc của các thành viên và các đồ dùng trong gia đình			
1.2.1.1	Kể tên các thành viên trong gia đình: ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột			
1.2.1.2	Nói được địa chỉ và một số đồ dùng cần thiết trong gia đình			
1.2.1.3	Kể tên một số công việc thường làm của các thành viên trong gia đình			
1.2.2	Kể tên các thành viên của lớp học, các đồ dùng ở lớp học và biết giữ gìn lớp học sạch đẹp			
1.2.2.1	Kể tên các thành viên của lớp học, các đồ dùng trong lớp và một số hoạt động ở lớp			
1.2.2.2	Nói được tên lớp, tên giáo viên và một số bạn trong lớp			
1.2.2.3	Chỗ ngồi học gọn gàng, sạch sẽ			
1.2.3	Biết cách phòng tránh tai nạn khi ở nhà			
1.2.3.1	Kể được một số vật dụng trong nhà có thể gây đứt tay, chân, bỏng, điện giật			
1.2.3.2	Biết gọi người lớn khi gặp nạn			
1.2.4	Nêu được một số cảnh quan thiên nhiên và công việc của người dân			
1.2.4.1	Nêu được một số cảnh quan ở địa phương			
1.2.4.2	Nêu được công việc của người dân ở địa phương			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 10 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 1, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

- An toàn trên đường đi học.
- Một số cây thường gặp: cây rau, cây hoa, cây gỗ.
- Một số con vật thường gặp: con cá, con gà.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm và nêu được một số quy định để đảm bảo an toàn trên đường đi học.
- Kể tên và chỉ được các bộ phận chính và nêu ích lợi của một số loại cây.
- Kể tên và chỉ được các bộ phận chính và nêu ích lợi của một số con vật.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.3.1	Biết cách thực hiện để đảm bảo an toàn trên đường đi học			
1.3.1.1	Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tai nạn			
1.3.1.2	Nêu được một số quy định để đảm bảo an toàn trên đường đi học			
1.3.2	Nhận biết được một số loại cây và ích lợi của chúng đối với đời sống của con người			
1.3.2.1	Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cây rau, cây hoa, cây gỗ trên hình vẽ hoặc vật thật			
1.3.2.2	Nêu được ích lợi của cây rau, cây hoa, cây gỗ đối với đời sống con người			
1.3.3	Nhận biết một số con vật có lợi hoặc gây hại đối với con người			
1.3.3.1	Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của con cá, con gà trên hình vẽ hoặc vật thật			
1.3.3.2	Nêu được ích lợi của con cá, con gà			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 6 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 1, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Thực vật và động vật

- Một số con vật thường gặp: con mèo, con muỗi.
- Nhận biết cây cối và con vật.

2. Hiện tượng thời tiết

- Năng, mưa, gió.
- Thời tiết.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Kể tên, các bộ phận chính và nêu ích lợi hay tác hại của một số con vật thường gặp đối với con người.

– Kể tên và chỉ được một số loại cây và con vật.

– Biết quan sát bầu trời; nhận biết và mô tả được ở mức độ đơn giản một số hiện tượng của thời tiết.

– Biết cách ăn mặc cho phù hợp với thời tiết để giữ gìn sức khoẻ.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 1)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.4.1	Nhận biết về một số con vật và ích lợi hay tác hại của chúng đối với con người			
1.4.1.1	Chỉ và nói tên các bộ phận chính của con mèo, con muỗi trên hình vẽ hoặc vật thật			
1.4.1.2	Nêu ích lợi của việc nuôi mèo, tác hại của con muỗi đối với sức khoẻ của con người và cách phòng tránh muỗi đốt			
1.4.2	Kể tên và chỉ được một số loại cây và con vật			
1.4.2.1	Kể tên và chỉ được một số loại cây			
1.4.2.2	Kể tên và chỉ được một số con vật			
1.4.3	Biết quan sát bầu trời; nhận biết và mô tả được ở mức độ đơn giản một số hiện tượng của thời tiết			
1.4.3.1	Biết mô tả khi quan sát bầu trời, những đám mây, cảnh vật xung quanh khi trời nắng, trời mưa			
1.4.3.2	Nhận biết và mô tả ở mức độ đơn giản của hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, gió, nóng, rét			
1.4.4	Biết cách ăn mặc cho phù hợp với thời tiết để giữ gìn sức khoẻ			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.4.4.1	Biết cách ăn mặc và giữ gìn sức khoẻ trong những ngày: nắng, mưa, nóng, rét			
1.4.4.2	Biết cách ăn mặc và giữ gìn sức khoẻ khi thời tiết thay đổi			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2

LỚP 2, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

Chủ đề: Con người và sức khoẻ bao gồm:

1. Cơ thể người

- Cơ quan vận động.
- Cơ quan tiêu hoá.

2. Vệ sinh phòng bệnh

- Vệ sinh cơ quan vận động, phòng bệnh cong vẹo cột sống.
- Vệ sinh cơ quan tiêu hoá, phòng bệnh giun.

3. Dinh dưỡng

- Ăn sạch, uống sạch.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nhận ra cơ quan vận động gồm có bộ xương và hệ cơ.
- Nhận ra sự phối hợp của cơ và xương trong các cử động của cơ thể.
- Nêu được tên và chỉ được vị trí các vùng xương chính của bộ xương, các vùng cơ chính trên cơ thể người thông qua hình vẽ, tranh, ảnh hay mô hình,...
- Nêu được tên và chỉ được vị trí các bộ phận chính của cơ quan tiêu hoá trên tranh vẽ hoặc mô hình.
- Nói sơ lược về sự biến đổi thức ăn ở miệng, dạ dày, ruột non, ruột già.
- Nêu được nguyên nhân và biết cách phòng tránh bệnh giun.
- Biết được tập thể dục hàng ngày, lao động vừa sức, ngồi học đúng cách; ăn uống đầy đủ, giữ vệ sinh thân thể sẽ giúp cho cơ thể phát triển tốt.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.1.1	Nhận biết cơ quan vận động			
2.1.1.1	Chỉ trên hình vẽ và nói cơ quan vận động gồm có bộ xương và hệ cơ			
2.1.1.2	Chỉ và nói được tên các vùng cơ, xương chính của cơ thể trên hình vẽ hoặc mô hình			
2.1.1.3	Nêu được ví dụ phối hợp của cơ và xương trong cử động của cơ thể			
2.1.2	Nhận biết cơ quan tiêu hóa			
2.1.2.1	Chỉ và nói được tên các bộ phận của cơ quan tiêu hoá trên hình vẽ hay sơ đồ,...			
2.1.1.2	Nói sơ lược về sự biến đổi thức ăn ở khoang miệng, dạ dày, ruột non, ruột già			
2.1.3	Biết cách bảo vệ cơ quan vận động, cơ quan tiêu hoá			
2.1.3.1	Nêu được 2 – 3 việc nên làm để cơ và xương phát triển tốt			
2.1.3.2	Nêu được lí do phải ăn đủ no, uống đủ nước			
2.1.3.3	Kể 2 – 3 việc nên làm để giữ vệ sinh ăn uống và phòng tránh bệnh giun			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 2

Bảng tham chiếu giữa học kì I gồm 3 tiêu chí và 8 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 6/8 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Như vậy là có 1 – 2 chỉ báo học sinh chỉ thực hiện ở mức hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo ở mức hoàn thành như: Học sinh chỉ và nói được tên các bộ phận của cơ quan tiêu hoá trên hình vẽ hay sơ đồ(chỉ báo 2.1.2.1) song còn chậm và ấp úng. Học sinh chỉ

và nói được tên các vùng cơ, xương chính của cơ thể trên hình vẽ tuy nhiên cần sự giúp đỡ thêm của giáo viên. Còn 6 chỉ báo còn lại đều được thực hiện thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 7/8 số chỉ báo trên với mức hoàn thành và hoàn thành tốt. Tức là có 1 chỉ báo còn đạt ở mức chưa hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo chưa hoàn thành như: học sinh chưa nêu được lí do phải ăn đủ no, uống đủ nước (chỉ báo 2.1.3.3). 7 chỉ báo còn lại được học sinh cơ bản thực hiện được hoặc thực hiện thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 2/8 chỉ báo chưa hoàn thành. Tức là có nhiều nhất là 6/8 chỉ báo ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo chưa hoàn thành như: học sinh chưa kể được 2 – 3 việc nên làm để giữ vệ sinh ăn uống và phòng tránh bệnh giun (chỉ báo 2.1.3.3) và chưa trình bày được sơ lược sự biến đổi thức ăn ở trong khoang miệng, da dày, ruột non, ruột già (chỉ báo 2.1.1.2),...

LỚP 2, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Cuộc sống gia đình

- Công việc của các thành viên trong gia đình.
- Cách bảo quản và sử dụng một số đồ dùng trong nhà.
- Vệ sinh xung quanh nhà ở.
- An toàn khi ở nhà.

2. Trường học

- Các thành viên trong trường học.
- Cơ sở vật chất của nhà trường.
- Vệ sinh trường học.
- An toàn khi ở trường.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Kể được tên một số công việc thường ngày của từng người và một số đồ dùng trong gia đình.
- Biết cách giữ gìn và xếp đặt một số đồ dùng trong nhà gọn gàng, ngăn nắp.
- Nêu được một số việc cần làm để giữ vệ sinh môi trường xung quanh nơi ở.
- Nêu được một số việc cần làm để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà.
- Nói được tên, địa chỉ và kể được một số phòng học, phòng làm việc, sân chơi, vườn trường của trường em.
- Nêu được công việc của một số thành viên trong nhà trường.
- Kể tên những hoạt động dễ ngã, nguy hiểm cho bản thân và cho người khác khi ở trường.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.2.1	Biết các thành viên trong gia đình cần cùng nhau chia sẻ công việc nhà và giữ vệ sinh môi trường			
2.2.1.1	Nói hoặc viết hoặc vẽ về việc sử dụng thời gian rảnh rỗi của các thành viên trong gia đình mình.			
2.2.1.2	Nói hoặc viết hoặc vẽ về những người trong gia đình tham gia làm việc nhà, làm vệ sinh môi trường xung quanh nơi ở.			
2.2.2	Biết cách phòng tránh ngộ độc khi ở nhà			
2.2.2.1	Chỉ và nói được tên những thứ có thể gây ngộ độc cho mọi người trong gia đình thông qua tranh, ảnh, hình vẽ SGK,...			
2.2.2.2	Nói được từ 3 – 4 việc cần làm để tránh ngộ độc khi ở nhà			
2.2.3	Biết về trường học và giữ vệ sinh trường học của mình			
2.2.3.1	Nêu được tên, địa chỉ, cơ sở vật chất và công việc của một số thành viên trong nhà trường			
2.2.3.2	Kể được từ 3 – 4 hoạt động của nhà trường			
2.2.3.3	Kể được từ 3 – 4 hoạt động học sinh có thể tham gia để làm cho trường lớp trở nên sạch sẽ, an toàn hơn			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Địa phương

- Huyện hoặc quận nơi đang sống.
- An toàn giao thông.

2. Thực vật và động vật

– Một số thực vật sống ở trên cạn, dưới nước.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Kể được tên các loại đường giao thông và một số phương tiện giao thông.
- Nhận biết một số biển báo giao thông, một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra và thực hiện đúng các quy định khi đi các phương tiện giao thông.
- Nêu được một số nghề nghiệp chính và hoạt động sinh sống của người dân nơi học sinh ở.
- Biết được cây cối có thể sống được ở khắp nơi: trên cạn, dưới nước
- Nêu được tên, lợi ích của một số cây sống trên cạn, cây sống dưới nước.
- Quan sát và chỉ ra được một số cây sống trên cạn, cây sống dưới nước.
- Có ý thức bảo vệ cây cối và các con vật.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.3.1	Nhận biết về giao thông, các phương tiện giao thông và một số quy định an toàn khi tham gia giao thông			
2.3.1.1	Kể được tên các loại đường giao thông và một số phương tiện giao thông			
2.3.1.2	Chỉ và nói được ý nghĩa của một số biển báo giao thông trong hình vẽ sách giáo khoa hay trong thực tế; nêu được một số quy định đảm bảo khi đi các phương tiện giao thông			
2.3.2	Biết về cuộc sống xung quanh nơi học sinh ở			
2.3.2.1	Viết được tên quận (huyện), thôn (xóm), xã, phường,... nơi học sinh ở			
2.3.2.2	Kể được một số nghề nghiệp chính, phổ biến của người dân nơi học sinh ở			
2.3.3	Biết một số cây sống trên cạn, dưới nước và ích lợi của chúng đối với con người			
2.3.3.1	Kể tên 3 – 4 cây sống trên cạn, dưới nước và ích lợi của chúng đối với con người			
2.3.3.2	Kể tên từ 1 – 2 cây vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 6 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 2, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**A. Nội dung chương trình**

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Thực vật và động vật

– Một số động vật sống ở trên cạn, dưới nước.

2. Bầu trời ban ngày và ban đêm

– Mặt Trời.

– Mặt Trăng và các vì sao.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Biết được động vật có thể sống được ở khắp nơi: trên cạn, dưới nước.

– Nêu được tên và ích lợi (hoặc tác hại) của một số động vật sống trên cạn, sống dưới nước đối với con người.

– Nêu được hình dạng, đặc điểm và vai trò của Mặt Trời đối với sự sống trên Trái Đất.

– Nói được tên 4 phương chính và kể được phương Mặt Trời mọc và lặn.

– Khái quát hình dạng, đặc điểm của Mặt Trăng và các vì sao ban đêm.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 2)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.4.1	Biết một số con vật sống trên cạn, dưới nước và ích lợi hay tác hại của chúng đối với con người			
2.4.1.1	Kể tên 3 – 4 con vật sống trên cạn, dưới nước và ích lợi hay tác hại của chúng đối với con người			
2.4.1.2	Kể tên từ 1 – 2 con vật vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước			
2.4.2	Biết sơ lược về hệ Mặt Trời			
2.4.2.1	Nêu được hình dạng, đặc điểm của của Mặt Trời			
2.4.2.2	Nêu được vai trò của Mặt Trời đối với sự sống trên Trái Đất			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
2.4.2.3	Nêu được hình dạng, đặc điểm của Mặt Trăng và các vì sao			
2.4.3	Biết xác định phương hướng dựa vào Mặt Trời			
2.4.3.1	Nói được tên 4 phương chính: Bắc, Nam, Đông, Tây			
2.4.3.2	Xác định được phương hướng dựa vào vị trí mọc, lặn của Mặt Trời			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3

LỚP 3, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 (2 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Cơ thể người

- Cơ quan hô hấp.
- Cơ quan tuần hoàn.
- Cơ quan bài tiết nước tiểu.
- Cơ quan thần kinh.

2. Vệ sinh phòng bệnh

- Vệ sinh hô hấp, phòng một số bệnh đường hô hấp.
- Vệ sinh cơ quan tuần hoàn, phòng một số bệnh tim mạch.
- Vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu, phòng một số bệnh đường tiết niệu.
- Vệ sinh thần kinh.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

1. Cơ thể người

- Nhận biết vị trí, nêu được tên các bộ phận và chức năng của cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu, thần kinh.

- Xác định đúng vị trí các bộ phận của cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu, thần kinh thông qua tranh, ảnh, hình vẽ,...

- Nêu được những việc nên làm và không nên làm để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu, thần kinh.

– Kể được tên một số bệnh thường gặp ở cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu, thần kinh.

– Biết lập và thực hiện thời gian biểu hàng ngày của bản thân để đảm bảo sức khoẻ cho cơ thể.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.1.1	Nhận biết cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh			
3.1.1.1	Nói tên và chỉ đúng trên hình vẽ các bộ phận của 2 trong 4 cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh			
3.1.1.2	Nói hoặc viết được chức năng của 2 trong 4 cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh			
3.1.2	Biết tên và cách phòng tránh một số bệnh thường gặp ở cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu			
3.1.2.1	Nói được từ 2 – 3 tên bệnh thường gặp của cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh.			
3.1.2.2	Kể được từ 2 – 3 việc nên làm và không nên làm để phòng tránh các bệnh thường gặp đó của cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu.			
3.1.3	Biết bảo vệ cơ quan thần kinh			
3.1.3.1	Nêu được một số việc cần làm để giữ gìn, bảo vệ cơ quan thần kinh.			
3.1.3.2	Biết tránh những việc làm có hại đối với thần kinh.			
3.1.3.3	Nêu được vai trò của giấc ngủ đối với sức khoẻ.			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3

Bảng tham chiếu giữa học kì I gồm 3 tiêu chí và 7 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 5/7 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Như vậy là chỉ có 1 – 2 chỉ báo học sinh thực hiện ở mức hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo ở mức hoàn thành như: Học sinh chỉ và nói được tên các bộ phận của 2 trong 4 cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết và thần kinh (chỉ báo 3.1.1.1) song còn chậm và áp ứng. Học sinh nêu được một số việc cần làm để giữ gìn, bảo vệ cơ quan thần kinh (chỉ báo 3.1.3.1) nhưng cần sự giúp đỡ thêm của giáo viên. Còn 5 chỉ báo còn lại học sinh đều thực hiện một cách đầy đủ và thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 6/7 số chỉ báo trên với mức hoàn thành và hoàn thành tốt. Tức là có 1 chỉ báo còn đạt ở mức chưa hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo chưa hoàn thành như: học sinh chưa nêu được 2 – 3 tên bệnh thường gặp của cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu, thần kinh (chỉ báo 3.1.2.1). Các chỉ báo còn lại học sinh cơ bản thực hiện được hoặc thực hiện thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 2/7 chỉ báo chưa hoàn thành. Tức là có nhiều nhất là 5/7 chỉ báo ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo chưa hoàn thành như: học sinh chưa nêu được vai trò của giấc ngủ đối với sức khoẻ (chỉ báo 3.1.3.3). Học sinh chưa nói hoặc viết được chức năng của 2/4 cơ quan: hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh (chỉ báo 3.1.1.2).

LỚP 3, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 (2 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Cuộc sống gia đình

- Các thế hệ trong gia đình.
- An toàn khi ở nhà.

2. Trường học

- Một số hoạt động chính của trường.
- An toàn khi ở trường.

3. Địa phương

- Tỉnh hoặc thành phố đang sống.
- An toàn giao thông.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

1. Cuộc sống gia đình

- Biết các mối quan hệ, biết xưng hô đúng đối với những người trong họ hàng.
- Nêu được những việc nên, không nên làm để phòng cháy khi đun nấu ở nhà và biết cách xử lí khi xảy ra cháy.

2. Trường học

– Nêu được các hoạt động chủ yếu và trách nhiệm của học sinh khi ở trường; nhận biết các trò chơi nguy hiểm dễ dẫn đến tai nạn khi ở trường.

– Tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức, không chơi các trò chơi nguy hiểm.

3. Địa phương

– Kể được tên một số cơ quan hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế, các hoạt động thông tin liên lạc, hoạt động nông nghiệp và công nghiệp, thương mại ở địa phương.

– Nêu được một số điểm khác nhau giữa làng quê và đô thị; một số quy định đảm bảo an toàn khi đi xe đạp.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.2.1	Biết được mối quan hệ họ hàng nội, ngoại			
3.2.1.1	Nói và vẽ được sơ đồ họ hàng nội, ngoại của bản thân			
3.2.1.2	Nêu được tình cảm, nghĩa vụ của bản thân đối với những người họ hàng nội, ngoại			
3.2.2	Biết được những hoạt động trong và ngoài lớp học của học sinh;			
3.2.2.1	Nêu được 2 – 3 hoạt động trong lớp học của học sinh và trách nhiệm của học sinh khi tham gia những hoạt động đó			
3.2.2.2	Nêu được 2 – 3 hoạt động ngoài lớp học của học sinh và trách nhiệm của học sinh khi tham gia những hoạt động đó			
3.2.3	Biết cách đảm bảo an toàn khi ở trường, khi ở nhà			
3.2.3.1	Nhận biết các trò chơi nguy hiểm như đánh quay, ném nhau, chạy đuổi nhau...			
3.2.3.2	Nêu được quy tắc an toàn khi đi xe đạp			
3.2.3.3	Nêu được những việc nên và không nên làm để phòng cháy khi đun nấu ở nhà. Biết cách xử lí khi xảy ra cháy.			
3.2.4	Biết một số cơ quan hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế ở tỉnh (thành phố) nơi học sinh sống			
3.2.4.1	Nêu được tên tỉnh (thành phố) nơi học sinh ở			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.2.4.2	Kể được 2 – 3 cơ sở hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế ở địa phương			
3.2.4.3	Nêu được 1 – 2 hoạt động thông tin liên lạc, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại ở địa phương			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 10 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 (2 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Địa phương

– Vệ sinh nơi công cộng.

2. Thực vật và động vật

– Đặc điểm bên ngoài của thực vật.

– Đặc điểm bên ngoài của một số động vật.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

1. Địa phương

– Nêu được tác hại và tầm quan trọng của việc xử lí rác, phân, nước thải hợp vệ sinh đối với đời sống con người cũng như động vật, thực vật.

2. Thực vật và động vật

– Nhận ra sự đa dạng, phong phú và đặc điểm chung của thực vật đều có rễ, thân, lá, hoa, quả.

– Nêu được chức năng của thân, rễ, lá, hoa, quả đối với đời sống của thực vật và ích lợi của các bộ phận đó đối với đời sống con người.

– Nhận ra sự đa dạng, phong phú và đặc điểm chung của động vật đều có ba phần: đầu, mình và cơ quan di chuyển.

– Nêu được lợi ích hoặc tác hại của một số động vật đối với con người.

– Quan sát hình vẽ hoặc vật thật và chỉ được các bộ phận bên ngoài của một số thực vật và động vật.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.3.1	Biết giữ vệ sinh môi trường địa phương			
3.3.1.1	Nêu được tác hại của việc xả rác, phân, nước thải bừa bãi,...			
3.3.1.2	Nêu được từ 2 – 3 cách xử lí chất thải và giữ vệ sinh môi trường của người dân ở địa phương			
3.3.2	Biết được sự đa dạng và phong phú của thực vật; chức năng và ích lợi của các bộ phận của cây			
3.3.2.1	Kể được từ 3 – 5 cây có thân gỗ, thân thảo và nêu công dụng của chúng			
3.3.2.2	Kể được từ 2 – 3 loại cây có rễ cọc, rễ chùm, rễ củ, rễ phụ hoặc loài cây có rễ được dùng làm thức ăn, làm thuốc			
3.3.2.3	Phân loại được một số lá cây, hoa, quả theo màu sắc, hình dạng, kích thước hoặc giá trị sử dụng			
3.3.3	Biết được sự đa dạng, phong phú của động vật; hiểu được lợi ích và tác hại của một số loài động vật đối với đời sống con người			
3.3.3.1	Nêu được đặc điểm chung của của các loài động vật bao gồm ba phần: đầu, mình và cơ quan di chuyển			
3.3.3.2	Kể được từ 3 – 5 con côn trùng và nêu rõ ích lợi hoặc tác hại của từng con đối với con người			
3.3.3.3	Nêu được đặc điểm và ích lợi của các loài tôm, cua, cá, chim, thú			
3.3.3.4	Kể được từ 3 – 5 loài thú nhà hoặc thú rừng và nêu lợi ích của chúng			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 3, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

A. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 (2 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

Bầu trời và Trái Đất:

- Trái Đất và Mặt Trăng trong hệ Mặt Trời.
- Hình dạng và đặc điểm của bề mặt Trái Đất.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nêu được vai trò của Mặt Trời đối với sự sống trên Trái Đất.
- Nêu được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt trời; Trái Đất là hành tinh thứ 3 trong hệ Mặt Trời và Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.
- Biết một năm trên Trái Đất có bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày và mấy mùa.
- Nhận biết được hình dạng của Trái Đất và nêu được đặc điểm của bề mặt Trái Đất, bề mặt lục địa.
- Biết sử dụng mũi tên để mô tả chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt trời; chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- Biết sử dụng mô hình để nói về hiện tượng ngày và đêm trên Trái Đất.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 3)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Tự nhiên và Xã hội, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.4.1	Biết về hệ Mặt Trời, vai trò của Mặt Trời đối với đời sống trên Trái Đất			
3.4.1.1	Nêu được vai trò của Mặt Trời đối với sự sống trên Trái Đất;			
3.4.1.2	Nêu hoặc vẽ được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời			
3.4.1.3	- Nói hoặc dùng mũi tên để mô tả chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời.			
3.4.2	Biết được hình dạng của Trái Đất, đặc điểm bề mặt Trái Đất			
3.4.2.1	Sử dụng quả địa cầu để mô tả hình dạng của Trái Đất			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
3.4.2.2	Chỉ và nói được đặc điểm của bề mặt Trái Đất, bề mặt lục địa trên quả địa cầu hoặc trên bản đồ			
3.4.3	Biết được ngày, đêm; năm, tháng, các mùa trên Trái Đất			
3.4.3.1	Biết sử dụng mũi tên để mô tả trên sơ đồ chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời			
3.4.3.2	Sử dụng một nguồn sáng và quả địa cầu để nói về hiện tượng ngày, đêm.			
3.4.3.3	Biết được 1 năm trên Trái Đất của bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng và mấy mùa			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

PHẦN LỊCH SỬ

LỚP 4

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Lịch sử lớp 4 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Buổi đầu dựng nước và giữ nước

- Nước Văn Lang.
- Nước Âu Lạc.

2. Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập

- Nước ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40).
- Chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo.
- Ôn tập.

3. Buổi đầu độc lập

- Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.
- Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất (năm 981).

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang: thời gian ra đời, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.
- Nắm được một cách sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc.
- Biết được thời gian đô hộ của phong kiến phương Bắc đối với nước ta; Nêu đôi nét về đời sống cực nhục của nhân dân ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- Kể ngắn gọn cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, (chú ý nguyên nhân khởi nghĩa, người lãnh đạo, ý nghĩa).
- Kể ngắn gọn trận Bạch Đằng năm 938.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.1.1	Nêu được một số sự kiện cơ bản về nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc			
4.1.1.1	Nói được thời gian ra đời, tồn tại của nước Văn Lang, Âu Lạc; tên nước, tên vua			
4.1.1.2	Sử dụng được tranh ảnh trong SGK để mô tả sơ lược đời sống của người Việt cổ (sản xuất, ăn, ở, lễ hội,...)			
4.1.1.3	Trình bày được sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc			
4.1.2	Kể được những chính sách mà các triều đại phong kiến phương Bắc và nêu được tên 3 – 4 cuộc khởi nghĩa nổ ra thời bấy giờ			
4.1.2.1	Nêu được thời gian triều đại phong kiến phương Bắc bắt đầu đô hộ nước ta			
4.1.2.2	Kể được một số chính sách chúng đã thực hiện ở nước ta (chia nước ta thành quận, huyện; bắt dân phải cống nạp sản vật quý,...)			
4.1.2.3	Nêu được tên 3 – 4 cuộc khởi nghĩa nổ ra thời bấy giờ (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Khởi nghĩa Bà Triệu,...)			
4.1.3	Tường thuật ngắn gọn cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, chiến thắng Bạch Đằng năm 938			
4.1.3.1	Nói được nguyên nhân dẫn đến các cuộc khởi nghĩa, chiến thắng			
4.1.3.2	Biết sử dụng lược đồ để kể lại những nét chính về các sự kiện trên			
4.1.3.3	Nói được ý nghĩa của khởi nghĩa Hai Bà Trưng và chiến thắng Bạch Đằng năm 938			
4.1.4	Kể được cuộc dẹp loạn 12 sứ quân và cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (năm 981)			
4.1.4.1	Kể được đôi nét về cuộc dẹp loạn 12 sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh và công lao của ông trong buổi đầu độc lập của đất nước			
4.1.4.2	Biết sử dụng lược đồ để kể lại cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống lần thứ nhất (năm 981)			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 11 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN LỊCH SỬ, LỚP 4

Bảng tham chiếu giữa học kì I gồm 4 tiêu chí và 11 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 8/11 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành.

Cụ thể: Học sinh nêu được đầy đủ 4 tiêu chí, trong các tiêu chí Học sinh nói rõ kiến thức thuộc 8/11 chỉ báo; ví dụ ở tiêu chí 4.1.1, Học sinh nêu rõ được 3 chỉ báo: Thời gian ra đời và tồn tại của nước Văn Lang; nước Âu Lạc; tên vua; địa điểm đặt kinh đô; Biết sử dụng tranh ảnh để mô tả đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ; Trình bày rõ ràng cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc.

Tuy nhiên, khi sử dụng tranh ảnh để mô tả đời sống của họ có thể còn áp úng; hay việc sử dụng lược đồ để kể về các cuộc khởi nghĩa hay chiến thắng còn cần trợ giúp một chút của giáo viên.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 9/11 số chỉ báo với mức hoàn thành và hoàn thành tốt. 2 chỉ báo còn lại ở mức chưa hoàn thành.

Cụ thể: Học sinh nói được 4 tiêu chí, nhưng trong số 11 chỉ báo, có 2 chỉ báo nói được nhưng không rõ ràng. Ví dụ học sinh chỉ nói được tên hai cuộc khởi nghĩa (tiêu chí 4.1.2) hoặc sử dụng tranh ảnh kể về đời sống của người Việt cổ còn chưa hợp lý (tiêu chí 4.1.3). Khi nói về khởi nghĩa Hai Bà Trưng giáo viên phải hỗ trợ mới kể được về cuộc khởi nghĩa này. Việc sử dụng lược đồ cũng còn nhiều lúng túng, đôi khi chỉ chưa thật chính xác.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 3/11 chỉ báo chưa hoàn thành; các chỉ báo khác hoàn thành với sự giúp đỡ của giáo viên nhưng cũng chưa thật rõ ràng.

Ví dụ như học sinh chưa có khả năng sử dụng tranh ảnh, lược đồ để kể về các sự kiện lịch sử (tiêu chí 4.1.1). Khi kể về sự kiện: Đinh Bộ Lĩnh dẹp được loạn 12 sứ quân (tiêu chí 4.1.4) còn nhiều lúng túng, sơ sài, thậm chí không biết sử dụng lược đồ để kể về cuộc kháng chiến chống Tống (tiêu chí 4.1.4); nói được rất ít về ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa và chiến thắng trong thời kì này.

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ I, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Lịch sử lớp 4 đến hết học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Nước Đại Việt thời Lý

- Nhà Lý dời đô ra Thăng Long.
- Chùa nhà Lý.
- Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai (1072–1077).

2. Nước Đại Việt thời Trần

- Nhà Trần thành lập.
- Nhà Trần và việc đắp đê.
- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Nước ta cuối thời Trần.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nêu được những lí do khiến Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.
- Kể được vài nét về công lao của Lý Công Uẩn.
- Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.
- Biết những nét chính về trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt.
- Kể được vài nét về công lao Lý Thường Kiệt.
- Biết rằng sau nhà Lý là nhà Trần, kinh đô vẫn là Thăng Long, tên nước vẫn là Đại Việt.
- Nêu được một vài sự kiện về sự quan tâm của nhà Trần tới sản xuất nông nghiệp.
- Nêu được một số sự kiện tiêu biểu về ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.2.1	Nói được lí do Lý Công Uẩn dời đô và kể được những biểu hiện sự phát triển của đạo Phật thời Lý			
4.2.1.1	Nói được lí do Lý Công Uẩn dời đô ra Đại La (đất rộng, ven sông, giao lưu thuận lợi,...) và tên nước: Đại Việt			
4.2.1.2	Kể được vài nét về công lao của Lý Công Uẩn			
4.2.1.3	Nêu được một số biểu hiện sự phát triển của đạo Phật thời Lý			
4.2.2	Biết sử dụng lược đồ kể lại cuộc chiến đấu bảo vệ phòng tuyến sông Như Nguyệt			
4.2.2.1	Biết sử dụng lược đồ kể lại cuộc chiến đấu bảo vệ phòng tuyến trên bờ phía nam sông Như Nguyệt			
4.2.2.2	Nêu được vài nét về công lao của Lý Thường Kiệt: Chủ trương đánh trước để chặn giặc, đánh vào kho lương của nhà Tống,...			
4.2.3	Nói được hoàn cảnh nhà Trần được thành lập và một số việc làm của nhà Trần để củng cố, xây dựng và bảo vệ đất nước			
4.2.3.1	Nói được hoàn cảnh ra đời của nhà Trần: Nhà Lý suy yếu, ngoại xâm rình rập,...			
4.2.3.2	Kể được một số việc làm của nhà Trần nhằm củng cố, xây dựng đất nước			
4.2.3.3	Nêu được một số sự kiện tiêu biểu thể hiện ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của vua tôi nhà Trần			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.2.4	Nêu được đôi nét về tình hình nước ta cuối thời Trần			
4.2.4.1	Nêu được đôi nét về hoàn cảnh nước ta cuối thời Trần và việc Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần, thiết lập nhà Hồ			
4.2.4.2	Kể được đôi nét về Hồ Quý Ly và biết nguyên nhân nhà Hồ không chống nổi quân Minh xâm lược			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 10 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ II, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Những nội dung đã hoàn thành:

1. Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê

- Chiến thắng Chi Lăng.
- Nhà Hậu Lê và việc tổ chức, quản lí đất nước.
- Trường học thời Lê.
- Văn học và khoa học thời Hậu Lê.

2. Nước Đại Việt thế kỉ XVI- XVII

- Trịnh – Nguyễn phân tranh.
- Cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong.
- Thành thị ở thế kỉ XVI – XVII.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nắm được một số sự kiện về khởi nghĩa Lam Sơn (tập trung vào trận Chi Lăng); biết sau khởi nghĩa nhà Hậu Lê được thành lập.

- Biết nhà Hậu Lê đã tổ chức quản lí đất nước tương đối chặt chẽ.
- Biết được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê.
- Biết được sự phát triển của văn học và khoa học thời Hậu Lê.
- Biết được một vài sự kiện về sự chia cắt đất nước, tình hình kinh tế sa sút.
- Dùng lược đồ Việt Nam chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài – Đàng Trong.
- Biết sơ lược về quá trình khẩn hoang ở Đàng Trong; Dùng lược đồ chỉ ra vùng đất khẩn hoang.

- Miêu tả những nét cụ thể, sinh động về ba thành thị: Thăng Long, Phố Hiến, Hội An ở thế kỉ XVI – XVII.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.3.1	Kể được trận phục kích tại ải Chi Lăng và nói được thời điểm thành lập nhà Hậu Lê			
4.3.1.1	Biết: Lê Lợi chiêu tập binh sĩ xây dựng lực lượng khởi nghĩa; Chi Lăng là trận quyết định thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn			
4.3.1.2	Kể được trận phục kích của quân ta tại ải Chi Lăng và nêu được ý nghĩa của chiến thắng			
4.3.1.3	Nói được thời điểm thành lập nhà Hậu Lê và Lê Lợi lên ngôi hoàng đế			
4.3.2	Biết việc tổ chức, quản lí đất nước, giáo dục, văn học, khoa học thời Hậu Lê			
4.3.2.1	Nói được những việc làm của nhà Hậu Lê để tổ chức quản lí đất nước: soạn Bộ luật Hồng Đức, vẽ bản đồ đất nước			
4.3.2.2	Kể được một số sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học của nhà Hậu Lê			
4.3.2.3	Nêu được 3 – 4 biểu hiện về sự phát triển của văn học và khoa học thời Hậu Lê			
4.3.3	Nêu được một số sự kiện cơ bản về tình hình Đại Việt ở thế kỉ XVI – XVII			
4.3.3.1	Nói được 2 – 3 lí do khiến đất nước bị chia cắt và hậu quả của nó; chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài – Đàng Trong trên lược đồ			
4.3.3.2	Nêu sơ lược quá trình khản hoang ở Đàng Trong và tác dụng đối với sự phát triển nông nghiệp			
4.3.3.3	Miêu tả vài nét về ba đô thị: Thăng Long, Phố Hiến, Hội An ở thế kỉ XVI – XVII			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ II, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Những nội dung đã hoàn thành:

1. Nước Đại Việt ở thế kỉ XVIII

- Nghĩa quân Tây Sơn ra Thăng Long năm 1786.
- Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.
- Những nét chính về kinh tế và văn hoá của vua Quang Trung.

2. Buổi đầu thời Nguyễn

- Nhà Nguyễn thành lập.
- Kinh thành Huế.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nắm được đôi nét về việc nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long diệt chúa Trịnh và công lao của vua Quang Trung trong việc đánh bại chúa Nguyễn, chúa Trịnh, mở đầu cho việc thống nhất đất nước.

- Dựa vào lược đồ, tường thuật sơ lược về việc Quang Trung đại phá quân Thanh, chú ý các trận tiêu biểu: Ngọc Hồi, Đống Đa.

- Nêu được công lao của Quang Trung trong việc xây dựng đất nước.

- Nắm được đôi nét về sự thành lập nhà Nguyễn và nêu một vài chính sách cụ thể của các vua nhà Nguyễn để củng cố sự thống trị.

- Mô tả được đôi nét về kinh thành Huế. cuối năm học

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.1	Kể sơ lược cuộc tiến công ra Bắc và diễn biến trận Quang Trung đại phá quân Thanh			
4.4.1.1	Kể sơ lược cuộc tiến công ra Bắc diệt chính quyền họ Trịnh của nghĩa quân Tây Sơn			
4.4.1.2	Tường thuật được sơ lược trận Quang Trung đại phá quân Thanh trên lược đồ			
4.4.1.3	Nêu được công lao của Quang Trung trong việc đánh bại chúa Nguyễn, chúa Trịnh và quân xâm lược Thanh			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.2	Nêu được những chính sách của Quang Trung nhằm phát triển kinh tế, văn hoá của đất nước			
4.4.2.1	Kể được một vài chính sách khuyến khích phát triển kinh tế (chiều khuyến nông,...) và tác dụng của nó			
4.4.2.2	Nêu được một số chính sách về văn hoá, giáo dục: “Chiếu lập học”, đề cao chữ Nôm,... và tác dụng: thúc đẩy văn hoá, giáo dục phát triển			
4.4.3	Biết đôi nét về triều Nguyễn và vẻ đẹp của kinh thành Huế			
4.4.3.1	Nói được vài ý về hoàn cảnh ra đời của nhà Nguyễn; tên vua và địa điểm đặt kinh đô			
4.4.3.2	Kể được 3 – 4 sự kiện chứng tỏ các vua Nguyễn kiên quyết bảo vệ ngai vàng của dòng họ mình			
4.4.3.3	Mô tả sơ lược quá trình xây dựng và vẻ đẹp của kinh thành Huế			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Lịch sử lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

- + Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược: Trương Định.
- + Đề nghị canh tân đất nước: Nguyễn Trường Tộ.
- + Cuộc phản công ở kinh thành Huế. Phong trào Cần Vương: Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật,...
- + Sự chuyển biến trong kinh tế – xã hội Việt Nam và cuộc đấu tranh chống Pháp đầu thế kỉ XX.
- + Nguyễn Ái Quốc.
- + Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc từ năm 1930 đến năm 1945: Xô viết Nghệ Tĩnh, Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Kể được một số sự kiện về phong trào chống Pháp và canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX
- Biết một vài điểm mới về tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX; kể được những nét chính về cuộc đời và hoạt động của nhà yêu nước Phan Bội Châu.
- Biết những nguyên nhân nào khiến ngày 05/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến Nhà Rồng đi tìm đường cứu nước.
- Kể lại những điểm chính về Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; diễn biến chính của cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 tại Nghệ Tĩnh.
- Kể lại những diễn biến chính về cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám tại Thủ đô Hà Nội và cuộc mít tinh tại vườn hoa Ba Đình ngày 02/9/1945.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.1	Kể được một số sự kiện về phong trào chống Pháp và canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX			
5.1.1.1	Kể đôi nét về Trương Định và cuộc phản công ở kinh thành Huế			
5.1.1.2	Nêu được 2 – 3 nội dung đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ			
5.1.2	Biết được một vài điểm mới về tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX			
5.1.2.1	Biết được những năm đầu thế kỉ XX, kinh tế – xã hội Việt Nam có những biến đổi			
5.1.2.2	Kể được đôi nét về Phan Bội Châu và phong trào Đông Du			
5.1.3	Biết được nguyên nhân khiến Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước			
5.1.3.1	Kể được những khó khăn của Nguyễn Tất Thành khi dự định ra nước ngoài			
5.1.3.2	Nêu được những nguyên nhân khiến Nguyễn Tất Thành đi tìm con đường cứu nước mới			
5.1.4	Nêu được hai sự kiện: Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 tại Nghệ Tĩnh			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.4.1	Biết ngày 03/02/1930 Đảng cộng sản Việt Nam được thành lập tại Hương Cảng (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc là người chủ trì Hội nghị			
5.1.4.2	Kể lại những nét chính về cuộc biểu tình ngày 12/9/1930			
5.1.5	Kể lại sự kiện nhân dân Hà Nội giành chính quyền và cuộc mít tinh tại vườn hoa Ba Đình ngày 02/9/1945			
5.1.5.1	Kể lại diễn biến của cuộc mít tinh biểu tình giành chính quyền của nhân dân Thủ đô ngày 19/8/1945			
5.1.5.2	Mô tả được không khí tung bừng của buổi lễ tuyên bố độc lập tại quảng trường Ba Đình ngày 02/9/1945			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 5 tiêu chí với 10 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN LỊCH SỬ, LỚP 5

Bảng tham chiếu giữa học kì I gồm 5 tiêu chí và 10 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 7/10 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt; không có chỉ báo nào ở mức chưa hoàn thành.

Cụ thể: Học sinh thực hiện được 10 chỉ báo, nhưng trong 10 chỉ báo đó có 3 chỉ báo chỉ ở mức hoàn thành.

Ví dụ: Học sinh kể được nhưng chưa rành mạch cuộc phản công ở kinh thành Huế (tiêu chí 5.1.1) hoặc kể được đôi nét về Phan Bội châu nhưng chưa nói được ông là nhà yêu nước tiêu biểu ở đầu thế kỉ XX (tiêu chí 5.1.2). Trong tiêu chí 5.1.5. Kể lại diễn biến của cuộc mít tinh biểu tình giành chính quyền của nhân dân Thủ đô ngày 19/8/1945 còn đơn giản, chưa biết sử dụng tranh ảnh để mô tả về cuộc khởi nghĩa này.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được ít nhất 8/10 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và hoàn thành; 2 chỉ báo còn lại ở mức chưa hoàn thành.

Ví dụ: Trong số 8 chỉ báo hoàn thành tốt và chưa hoàn thành thì 4 - 5 chỉ báo đạt ở mức hoàn thành, số còn lại là hoàn thành tốt. Cụ thể: Học sinh kể được nhưng chưa thật rõ cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 (tiêu chí 5.1.4) hay chưa biết sử dụng tranh ảnh để nói về tình hình kinh tế - xã hội nước ta cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX (tiêu chí 5.1.2)...; Hai chỉ báo chưa hoàn thành, ví dụ: Nói không rõ nội dung đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ (tiêu chí 5.1.1). hoặc chưa

biết mô tả không khí tung bừng của buổi lễ tuyên bố độc lập tại quảng trường Ba Đình ngày 02/9/1945 (tiêu chí 5.1.5)

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 3/10 chỉ báo chưa hoàn thành; các chỉ báo khác chỉ đạt ở mức hoàn thành.

Cụ thể: Học sinh thực hiện được không đầy đủ các tiêu chí. Với 7 chỉ báo hoàn thành phải có sự giúp đỡ, gợi ý của giáo viên. 3 chỉ báo còn lại không nói được. Ví dụ ở tiêu chí 5.1.1, không kể được những sự kiện cơ bản của cuộc phản công ở kinh thành Huế; không giải nghĩa được từ “Cần Vương”; hoặc tiêu chí 5.1.3 không biết kể những khó khăn khi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ I, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Lịch sử lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

- *Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):*
- + Việt Nam những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám.
- + Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- + Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.
- + Chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947: Chiến thắng Biên giới thu – đông 1950. Hậu phương của ta.
- + Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nêu những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám và những giải pháp vượt qua những khó khăn đó.
- Nêu được những dẫn chứng về âm mưu quyết tâm cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp và quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của nhân dân ta.
- Kể lại những sự kiện tiêu biểu chứng minh rằng, sau năm 1950, hậu phương của ta được mở rộng và xây dựng vững chắc, làm tăng thêm sức mạnh cho cuộc kháng chiến.
- Kể lại diễn biến chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, Biên Giới thu – đông 1950 và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ trên lược đồ. Nêu được ý nghĩa của các chiến thắng trên.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.2.1	Nêu những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám và những giải pháp vượt qua những khó khăn đó			
5.2.1.1	Kể được những khó khăn của đất nước ta sau Cách mạng tháng: “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”.			
5.2.1.2	Nêu được 3 – 4 biện pháp nhân dân ta đã thực hiện để chống lại “giặc đói”, “giặc dốt”.			
5.2.2	Nêu được âm mưu quyết tâm cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp và ý chí bảo vệ đất nước của nhân dân ta			
5.2.2.1	Nêu được 3 – 4 việc làm chứng tỏ Thực dân Pháp quyết tâm cướp nước ta một lần nữa (xâm lược Nam Bộ, đánh chiếm Hải Phòng, gửi tối hậu thư,...)			
5.2.2.2	Nêu được 2 – 3 sự kiện chứng tỏ ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước của dân tộc ta (Đảng, chính phủ ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, cuộc kháng chiến tại Thủ đô Hà Nội và các thành phố khác)			
5.2.3	Kể được 3 – 4 sự kiện chứng tỏ sau năm 1950, hậu phương của ta được mở rộng và xây dựng vững mạnh			
5.2.3.1	Kể được 2 – 3 sự kiện về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng			
5.2.3.2	Nêu được 2 dẫn chứng chứng tỏ hậu phương ta được xây dựng vững mạnh về kinh tế, giáo dục,...			
5.2.4	Kể lại được khái quát diễn biến chiến thắng: Việt – Bắc, Biên Giới và Điện Biên Phủ			
5.2.4.1	Nêu được âm mưu của địch, chủ trương của ta; ý nghĩa của các chiến thắng			
5.2.4.2	Biết sử dụng lược đồ để kể lại những nét chính về diễn biến của các chiến dịch trên			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ II, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Lịch sử lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

– Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 – 1975):

+ Sự chia cắt đất nước.

+ Bến Tre đồng khởi.

+ Miền Bắc xây dựng: Nhà máy Cơ khí Hà Nội.

+ Hậu phương và tiền tuyến: đường Trường Sơn.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Biết đôi nét về tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954.

– Biết cuối năm 1959 – đầu năm 1960, phong trào “Đồng khởi” nổ ra và thắng lợi ở nhiều vùng nông thôn miền Nam (Bến Tre là nơi tiêu biểu của phong trào “Đồng khởi”).

– Nêu được những nét chính về sự ra đời và đóng góp của nhà máy hiện đại đầu tiên của nước ta.

– Kể những nét chính về chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12/1972.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.1	Biết được đôi nét về tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954			
5.3.1.1	Nêu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ; Đất nước bị chia cắt làm hai miền và chỉ trên bản đồ giới tuyến quân sự tạm thời			
5.3.1.2	Nói được vì sao đất nước ta, nhân dân ta phải chịu nỗi đau chia cắt			
5.3.2	Kể được phong trào “Đồng khởi” nổ ra và thắng lợi ở Bến Tre			
5.3.2.1	Nêu được hoàn cảnh lịch sử khi phong trào “Đồng khởi” nổ ra.			
5.3.2.2	Sử dụng bản đồ, tranh ảnh để kể về sự kiện ngày 17/01/1960 ở Mô Cày và nói được ý nghĩa của “Đồng khởi”			
5.3.3	Nêu được những nét chính về sự ra đời và đóng góp của Nhà máy Cơ khí Hà Nội			
5.3.3.1	Nêu được hoàn cảnh ra đời của Nhà máy Cơ khí Hà Nội			
5.3.3.2	Nói được 3 đóng góp của Nhà máy Cơ khí Hà Nội trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.4	Trình bày được vai trò của đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước			
5.3.4.1	Nói được mục đích việc mở đường Trường Sơn (miền Bắc đã chi viện sức người, vũ khí, lương thực,... cho cách mạng miền Nam)			
5.3.4.2	Biết sử dụng lược đồ, tranh, ảnh để trình bày vai trò của đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.			
5.3.5	Kể được 2 sự kiện: cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 và chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972			
5.3.5.1	Kể được khái quát cuộc tiến công vào Sứ quán Mỹ của quân giải phóng miền Nam tết Mậu Thân 1968 và ý nghĩa của sự kiện đó.			
5.3.5.2	Nói được mục đích Mỹ cho máy bay ném bom hủy diệt Hà Nội và các thành phố ở miền Bắc			
5.3.5.3	Kể về chiến công của quân dân ta lập nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 5 tiêu chí với 11 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ II, PHẦN LỊCH SỬ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Lịch sử lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 – 1975):
- + Lễ kí Hiệp định Pa-ri.
- + Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (1975 đến nay):
- + Hoàn thành thống nhất đất nước.
- + Xây dựng nhà máy thủy điện Hoà Bình.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Biết những nét chính về Hội nghị Pa-ri 1973.
- Kể lại diễn biến chính sự kiện quân ta tiến vào Dinh Độc Lập.
- Trình bày những nét chính về việc cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước ngày 25/4/1976.

– Kể lại quá trình xây dựng và những đóng góp của nhà máy thủy điện Hoà Bình đối với sự nghiệp xây dựng đất nước.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Lịch sử, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.4.1	Nêu được vài sự kiện chính về Hội nghị Pa-ri 1973			
5.4.1.1	Trình bày được 3 – 4 điểm cơ bản trong nội dung của Hiệp định Pa-ri			
5.4.1.2	Nêu được ý nghĩa Hiệp định Pa-ri			
5.4.2	Kể lại diễn biến chính sự kiện quân ta tiến vào Dinh Độc Lập			
5.4.2.1	Sử dụng tranh ảnh kể lại được sự kiện quân ta tiến vào Dinh Độc Lập			
5.4.2.2	Trình bày được ý nghĩa của Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng: đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất			
5.4.3	Trình bày được sự kiện: cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước ngày 25/4/1976			
5.4.3.1	Kể lại cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước ngày 25/4/1976			
5.4.3.2	Nói được 3 – 4 quyết định trọng đại của Quốc hội khóa VI			
5.4.4	Kể lại được quá trình xây dựng nhà máy thủy điện Hoà Bình và những đóng góp của nhà máy			
5.4.4.1	Kể được thời gian, địa điểm và không khí xây dựng nhà máy			
5.4.4.2	Nói được 2 – 3 ý về vai trò của Nhà máy Thủy điện Hoà Bình đối với công cuộc xây dựng đất nước			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

PHẦN ĐỊA LÍ

LỚP 4

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 4 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

– Bản đồ:

+ Khái niệm đơn giản, một số yếu tố bản đồ.

+ Cách sử dụng bản đồ.

– Thiên nhiên và hoạt động của con người ở miền núi, trung du (dãy núi Hoàng Liên Sơn, Trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên):

+ Đặc điểm tiêu biểu của thiên nhiên (địa hình, khí hậu, sông, đất, rừng).

+ Dân cư thưa thớt, một số dân tộc (Thái, Dao, Mông, Gia-rai, Ê-đê, Ba-na) với nét đặc trưng về trang phục, nhà ở và lễ hội.

+ Hoạt động sản xuất gắn với tài nguyên rừng, khoáng sản, sức nước, đất.

+ Thành phố vùng cao (Đà Lạt).

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Nhận diện được bản đồ.

– Chỉ và đọc được tên một số yếu tố nổi bật của Hoàng Liên Sơn, Trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

– Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, dân cư và hoạt động sản xuất của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.1.1	Nhận diện được bản đồ			
4.1.1.1	Biết bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.1.1.2	Biết một số yếu tố: tên bản đồ, phương hướng, kí hiệu bản đồ. Nêu được các bước sử dụng: đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, tìm đối tượng lịch sử hay địa lí trên bản đồ.			
4.1.1.3	Biết đọc bản đồ ở mức độ đơn giản: nhận biết vị trí, đặc điểm của đối tượng trên bản đồ			
4.1.2	Chỉ và đọc được tên một số thành phần tự nhiên tiêu biểu của miền núi và trung du nước ta trên bản đồ			
4.1.2.1	Chỉ và đọc được tên: dãy Hoàng Liên Sơn, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ			
4.1.2.2	Chỉ và đọc tên được một vài dãy núi chính ở Bắc Bộ			
4.1.2.3	Chỉ trên bản đồ và kể tên một vài con sông bắt nguồn từ Tây Nguyên			
4.1.3	Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên của miền núi và trung du			
4.1.3.1	Nêu được Hoàng Liên Sơn ở những nơi cao lạnh quanh năm. Địa hình gồm nhiều đỉnh nhỏ, sườn núi dốc, thung lũng hẹp và sâu			
4.1.3.2	Nêu được khí hậu ở Tây nguyên với hai mùa rõ rệt, địa hình gồm các cao nguyên xếp tầng; có nhiều ghềnh thác			
4.1.3.3	Nêu được địa hình Trung du Bắc Bộ là vùng đồi đỉnh tròn, sườn thoải			
4.1.4	Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về dân cư và hoạt động sản xuất ở miền núi và trung du			
4.1.4.1	Nêu được ở Hoàng Liên Sơn dân cư thưa thớt, sống bằng nghề làm ruộng, thủ công truyền thống,... Kể được tên một số dân tộc ít người sống ở đây: Thái, Mông, Dao,...			
4.1.4.2	Nêu được ở Trung du Bắc Bộ người dân sống chủ yếu bằng nghề trồng chè và cây ăn quả			
4.1.4.3	Nêu được Tây nguyên là nơi thưa dân nhất nước ta. Người dân sống chủ yếu bằng nghề khai thác gỗ và lâm sản			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 12 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I PHẦN ĐỊA LÍ LỚP 4

Bảng tham chiếu đánh giá giữa học kì I lớp 5 gồm 4 tiêu chí và 12 chỉ báo

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 9/12 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Tức là có nhiều nhất là 3 chỉ báo ở mức độ hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo ở mức hoàn thành như: học sinh chỉ được trên bản đồ và kể tên được một vài con sông bắt nguồn từ Tây Nguyên (chỉ báo 4.1.2.3) nhưng còn chậm hoặc việc nêu đặc điểm tự nhiên (chỉ báo 4.1.3.1) hay đặc điểm dân cư, kinh tế xã hội (chỉ báo 4.1.4.1) ở Hoàng Liên Sơn còn ấp úng,... Nhưng 9 chỉ báo còn lại đều được thực hiện ở mức độ thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 10/12 chỉ báo ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành. Tức là có 2 chỉ báo không hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo ở mức độ chưa hoàn thành như học sinh chưa nêu được những nét chính về địa hình và khí hậu của Tây Nguyên (chỉ báo 4.1.3.2), và chưa chỉ và đọc được tên một số dãy núi chính ở Bắc Bộ (chỉ báo 4.1.2.2) nhưng 10 chỉ báo còn lại đều cơ bản thực hiện được hoặc thực hiện ở mức thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 3/12 chỉ báo chưa hoàn thành. Ví dụ như học sinh vừa chưa nêu được những nét chính về địa hình và khí hậu, dân cư, kinh tế của Tây Nguyên (chỉ báo 4.1.3.2 và 4.1.3.3), và vừa chưa chỉ và đọc được tên một số dãy núi chính ở Bắc Bộ (chỉ báo 4.1.2.2).

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ I, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 4 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

– *Thiên nhiên và hoạt động của con người ở miền đồng bằng Bắc Bộ:*

+ Đặc điểm tiêu biểu của thiên nhiên (địa hình, khí hậu, sông, đất).

+ Dân cư đông đúc, một số dân tộc (Kinh, Chăm, Khmer, Hoa) với nét đặc trưng về trang phục, nhà ở và lễ hội.

+ Hoạt động sản xuất gắn với tài nguyên đất, sông, khí hậu và sinh vật.

+ Thủ đô Hà Nội.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, dân tộc, trang phục và hoạt động sản xuất chính của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.

– Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam; chỉ một số sông chính trên bản đồ (lược đồ).

– Chỉ được Thủ đô Hà Nội trên bản đồ (lược đồ); Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hà Nội.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.2.1	Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, con người và hoạt động sản xuất của đồng bằng Bắc Bộ			
4.2.1.1	Nêu được đặc điểm nổi bật: có hình tam giác, bằng phẳng do phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp			
4.2.1.2	Biết được đồng bằng Bắc Bộ dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước, người dân sống ở đây chủ yếu là người Kinh			
4.2.1.3	Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ			
4.2.2	Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ, chỉ một số sông chính trên bản đồ			
4.2.2.1	Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam			
4.2.2.2	Chỉ được sông Hồng, sông Thái Bình trên bản đồ (lược đồ)			
4.2.3	Chỉ được Thủ đô Hà Nội trên bản đồ (lược đồ); Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hà Nội			
4.2.3.1	Nhận biết được vị trí đồng bằng Bắc bộ và Thủ đô Hà Nội trên bản đồ tự nhiên Việt Nam			
4.2.3.2	Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hà Nội			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ II, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 4 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

- Thành phố Hải Phòng.
- Đặc điểm tiêu biểu của thiên nhiên (địa hình, khí hậu, sông, đất).
- Dân cư đông đúc, một số dân tộc với nét đặc trưng về trang phục, nhà ở và lễ hội.
- Hoạt động sản xuất gắn với tài nguyên đất, sông, khí hậu và sinh vật.
- Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, dân tộc, trang phục và hoạt động sản xuất chính của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.

– Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam; chỉ một số sông chính trên bản đồ (lược đồ).

– Chỉ được các thành phố: Hải Phòng, Hồ Chí Minh và Cần Thơ trên bản đồ (lược đồ); nêu được một số đặc điểm chủ yếu của các thành phố này.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.3.1	Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, con người và hoạt động sản xuất ở đồng bằng Nam Bộ			
4.3.1.1	Nêu được đồng bằng Nam Bộ lớn nhất nước ta, do phù sa của sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp, có kênh rạch chằng chịt, đất đai màu mỡ.			
4.3.1.2	Người dân ở Tây Nam Bộ thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch, nhà cửa đơn sơ			
4.3.1.3	Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ: trồng lúa gạo, cây ăn trái, nuôi trồng, chế biến thủy sản.			
4.3.2	Nhận biết được vị trí của đồng bằng Nam Bộ, chỉ một số sông chính trên bản đồ			
4.3.2.1	Nhận biết được vị trí của đồng bằng Nam Bộ trên bản đồ			
4.3.2.2	Chỉ được sông Tiền, sông Hậu trên bản đồ (lược đồ)			
4.3.3	Chỉ được các thành phố lớn trên bản đồ (lược đồ); nêu được một số đặc điểm chủ yếu của các thành phố này.			
4.3.3.1	Chỉ được vị trí của các thành phố: Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ trên bản đồ			
4.3.3.2	Nêu được TP. Hồ Chí Minh nằm ở đồng bằng Nam Bộ, ven sông Sài Gòn, là thành phố lớn nhất cả nước, là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học lớn			
4.3.3.3	Nêu được thành phố Cần Thơ nằm bên sông Hậu, ở trung tâm, là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học của đồng bằng sông Cửu Long.			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ II, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 4 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

- Thiên nhiên và hoạt động của con người ở đồng bằng duyên hải miền Trung:
- + Đặc điểm tiêu biểu của thiên nhiên (địa hình, khí hậu, sông, đất).
- + Dân cư đông đúc, một số dân tộc với nét đặc trưng về trang phục, nhà ở và lễ hội.
- + Hoạt động sản xuất gắn với tài nguyên đất, sông, khí hậu và sinh vật.
- + Thành phố Huế và Đà Nẵng.
- Vùng biển Việt Nam; các đảo, quần đảo:
- + Thiên nhiên, giá trị kinh tế của biển, đảo.
- + Hoạt động khai thác dầu khí và đánh bắt, chế biến hải sản.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

-Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên và hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng duyên hải miền Trung.

- Nhận biết được vị trí của: đồng bằng duyên hải miền Trung; của Biển Đông, các vịnh, các quần đảo, đảo lớn của nước ta trên bản đồ (lược đồ).

- Chỉ được các thành phố: Huế, Đà Nẵng; nêu được một số đặc điểm chủ yếu của các thành phố này.

- Biết sơ lược về biển, đảo và quần đảo và các hoạt động khai thác nguồn lợi chính của biển, đảo.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.1	Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về đồng bằng duyên hải miền Trung			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.1.1	Nêu được đồng bằng duyên hải miền Trung nhỏ hẹp với nhiều cồn cát, đầm phá, mùa hạ khô nóng và hạn hán, cuối năm thường có mưa lớn và bão dễ ngập lụt			
4.4.1.2	Trình bày được hoạt động sản xuất chủ yếu: trồng lúa, mía, lạc...; làm muối; nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản; du lịch			
4.4.2	Nhận biết được vị trí của: đồng bằng duyên hải miền Trung; của Biển Đông, các vịnh, các quần đảo, đảo lớn của nước ta trên bản đồ			
4.4.2.1	Chỉ được vị trí đồng bằng duyên hải miền Trung trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam			
4.4.2.2	Nhận biết được vị trí của Biển Đông, vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan; các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; các đảo Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc trên bản đồ			
4.4.3	Chỉ được các thành phố: Huế, Đà Nẵng; nêu được một số đặc điểm chủ yếu của các thành phố này			
4.4.3.1	Chỉ được các thành phố Huế và Đà Nẵng trên bản đồ			
4.4.3.2	Nêu được Huế từng là kinh đô thời Nguyễn, thiên nhiên đẹp và nhiều công trình kiến trúc cổ.			
4.4.3.3	Nêu thành phố Đà Nẵng nằm ở ven biển, là thành phố cảng lớn, là trung tâm công nghiệp và đi điểm du lịch.			
4.4.4	Biết sơ lược về biển, đảo và quần đảo và các hoạt động khai thác nguồn lợi chính của biển, đảo			
4.4.4.1	Nêu được vùng biển rộng lớn với nhiều đảo và quần đảo			
4.4.4.2	Kể tên một số hoạt động: khai thác dầu khí, cát trắng, muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

- Vị trí địa lí, diện tích, hình dạng lãnh thổ.
- Một số đặc điểm nổi bật về:
 - + Địa hình.
 - + Khoáng sản.
 - + Khí hậu.
 - + Sông.
 - + Biển.
 - + Đất và rừng.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được một số đặc điểm chính của thiên nhiên Việt Nam.
- Biết sử dụng bản đồ tự nhiên để nhận biết vị trí, giới hạn địa lí; một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn; các đảo, quần đảo của nước ta.
- Nhận biết được mối quan hệ địa lí ở mức độ đơn giản.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.1	Trình bày được một số đặc điểm chính của địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng, vùng biển của nước ta			
5.1.1.1	Nêu được đặc điểm chính của địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng, vùng biển nước ta			
5.1.1.2	Kể tên được một số khoáng sản chính, con sông lớn, các loại đất, rừng			
5.1.2	Biết mô tả sơ lược vị trí giới hạn địa lí; một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn; các đảo, quần đảo của nước ta			
5.1.2.1	Chỉ được vị trí giới hạn; các dãy núi; cao nguyên; đồng bằng; sông lớn; các đảo; quần đảo; nơi phân bố các loại đất, rừng			
5.1.2.2	Nhận xét được bảng số liệu khí hậu ở mức đơn giản			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.3	Nhận biết được mối quan hệ địa lí ở mức độ đơn giản			
5.1.3.1	Nêu được vai trò của khí hậu, sông ngòi, đất rừng và vùng biển nước ta			
5.1.3.2	Nhận xét được mối quan hệ giữa địa hình với sông ngòi; đất và rừng;...			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 6 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I, PHẦN ĐỊA LÍ, LỚP 5

Bảng tham chiếu đánh giá giữa học kì I lớp 5 gồm 3 tiêu chí và 6 chỉ báo

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 5/6 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Tức là có 1 chỉ báo ở mức độ hoàn thành. Ví dụ về các chỉ báo ở mức độ hoàn thành: Học sinh chỉ được vị trí giới hạn; các dãy núi; cao nguyên; đồng bằng; sông lớn; các đảo; quần đảo; nơi phân bố các loại đất, rừng (chỉ báo 5.1.2.1) nhưng còn chậm hoặc việc nhận xét được bảng số liệu khí hậu ở mức đơn giản (chỉ báo 5.1.2.2) còn áp úng. Nhưng 5 chỉ báo còn lại đều được thực hiện ở mức độ thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 5/6 chỉ báo ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành. Tức là có 1 chỉ báo không hoàn thành. Ví dụ như học sinh chưa biết nhận xét về bảng số liệu khí hậu ở mức đơn giản (chỉ báo 5.1.2.2), nhưng 5 chỉ báo còn lại đều cơ bản thực hiện được hoặc thực hiện ở mức thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 2/6 chỉ báo chưa hoàn thành. Ví dụ như học sinh vừa chưa nhận xét biết nhận xét bảng số liệu (chỉ báo 5.1.2.2) và việc chỉ được vị trí giới hạn; các dãy núi; cao nguyên; đồng bằng; sông lớn; các đảo; quần đảo; nơi phân bố các loại đất, rừng (tiêu chí 5.1.2.1) còn rất chậm và lúng túng mặc dù đã được giáo viên trợ giúp.

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ I, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Dân cư

- Số dân, sự gia tăng dân số và hậu quả của nó.
- Một số đặc điểm nổi bật về các dân tộc Việt Nam; dân cư và sự phân bố dân cư.

2. Kinh tế

- Đặc điểm nổi bật về tình hình và sự phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Đặc điểm nổi bật về tình hình và sự phân bố công nghiệp.
- Đặc điểm nổi bật về giao thông, thương mại, du lịch.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Biết những đặc điểm chính về dân cư, các ngành kinh tế của nước ta ở mức độ đơn giản.
- Sử dụng được sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm của dân cư, cơ cấu và sự phân bố của các ngành kinh tế của nước ta.
- Chỉ được trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, tuyến đường giao thông, cảng biển lớn của nước ta.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.2.1	Biết những đặc điểm chính về dân cư, các ngành kinh tế của nước ta ở mức độ đơn giản			
5.2.1.1	Biết được: nước ta là nước đông dân, dân số tăng nhanh; gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nhu cầu của người dân và phát triển xã hội			
5.2.1.2	Nêu được một số đặc điểm nổi bật về tình hình phát triển và phân bố của các ngành kinh tế nước ta			
5.2.2	Sử dụng được sơ đồ, bảng số liệu,... để nhận biết một số đặc điểm của dân cư, cơ cấu và sự phân bố của các ngành kinh tế của nước ta			
5.2.2.1	Sử dụng được sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ (lược đồ) dân cư để nhận biết một số đặc điểm của dân cư Việt Nam ở mức độ đơn giản			
5.2.2.2	Sử dụng được sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ (lược đồ) để nhận biết về cơ cấu và sự phân bố các ngành kinh tế			
5.3.3	Chỉ được trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, tuyến đường giao thông, cảng biển lớn của nước ta			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.3.1	Chỉ được: 4–5 thành phố lớn: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ; ít nhất 2 trung tâm công nghiệp lớn: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,...			
5.3.3.2	Chỉ được ít nhất các tuyến đường giao thông: đường sắt thống nhất; quốc lộ 1A			
5.3.3.3	Chỉ được 4–5 địa điểm du lịch			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 7 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ II, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Địa lí thế giới

- Bản đồ các châu lục và đại dương trên thế giới.
- Các châu lục và đại dương trên thế giới:
- + Vị trí địa lí và giới hạn.
- + Một số đặc điểm về địa hình, khí hậu, dân cư và hoạt động kinh tế của châu Á và châu Âu.

2. Khu vực Đông Nam Á

- Vị trí địa lí, tên các quốc gia của khu vực.
- Một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư và hoạt động kinh tế của khu vực.

3. Một số quốc gia tiêu biểu ở các châu lục: Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, Liên bang Nga, Pháp.

- Vị trí địa lí, thủ đô của mỗi quốc gia.
- Một số đặc điểm nổi bật của mỗi quốc gia.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Tìm được vị trí châu Á, châu Âu trên bản đồ, quả Địa cầu.
- Sử dụng được tranh, ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm châu Á, châu Âu.
- Đọc đúng tên và chỉ được một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn của châu Á và châu Âu trên bản đồ (lược đồ).
- Nêu được một số đặc điểm nổi bật của khu vực Đông Nam Á; một số nước láng giềng của nước ta, Liên bang Nga và Pháp.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.1	Tìm được vị trí châu Á, châu Âu trên bản đồ, quả Địa cầu			
5.3.1.1	Tìm được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Á trên bản đồ, quả Địa cầu			
5.3.1.2	Tìm được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Âu trên bản đồ, quả Địa cầu			
5.3.2	Sử dụng được tranh, ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm tiêu biểu của châu Á, châu Âu			
5.3.2.1	Nêu được châu Á: 3/4 diện tích là núi và cao nguyên, núi cao và đồ sộ nhất thế giới; có nhiều đới khí hậu; đông dân nhất; nông nghiệp là chủ yếu			
5.3.2.2	Nêu và chỉ được châu Âu: 2/3 diện tích là đồng bằng; khí hậu ôn hoà; chủ yếu là người da trắng; nhiều nước công nghiệp phát triển			
5.3.3	Đọc đúng tên và chỉ được một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn của châu Á và châu Âu trên bản đồ			
5.3.3.1	Đọc đúng tên và chỉ được: Dãy núi Hi-ma-lay-a; các cao nguyên: Tây tạng, Gô-bi; các đồng bằng: Hoa Bắc; Ấn-Hằng, Mê Công; các sông: Hoàng Hà, Mê Công			
5.3.3.2	Đọc đúng tên và chỉ được: Các dãy núi An-pơ, Các-pát, Xcan-đi-na-vi; các đồng bằng lớn: Đông Âu, Tây Âu và Trung Âu; các sông: Đa-nuyp, Vôn-ga			
5.3.4	Nêu được một số đặc điểm nổi bật của khu vực Đông Nam Á; Một số nước láng giềng của nước ta			
5.3.4.1	Nêu được: Khu vực Đông Nam Á: có khí hậu nhiệt đới, sản xuất nhiều lúa gạo và khai thác khoáng sản			
5.3.4.2	Trung Quốc: đông dân nhất thế giới; đang phát triển nhiều ngành công nghiệp			
5.3.4.3	Lào và Cam-pu-chia: là các nước nông nghiệp; bước đầu phát triển công nghiệp			
5.3.5	Nêu được một số đặc điểm nổi bật của Liên bang Nga và Pháp			
5.3.5.1	Nêu được 3 – 4 sản phẩm nông nghiệp, 3 – 4 sản phẩm công nghiệp chính của Liên bang Nga			
5.3.5.2	Nêu được 3 – 4 sản phẩm nông nghiệp, 3 – 4 sản phẩm công nghiệp chính của Pháp			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 5 tiêu chí với 11 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ II, PHẦN ĐỊA LÍ

A. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí lớp 5 (1 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Địa lí thế giới

- Vị trí địa lí và giới hạn của các châu lục: châu Phi; châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Nam Cực.
- Một số đặc điểm nổi bật của các châu lục: châu Phi; châu Mỹ, châu Đại dương, châu Nam Cực.
- Một số đặc điểm về diện tích, độ sâu của tầng đại dương trên thế giới.

2. Một số quốc gia tiêu biểu ở các châu lục: Ai Cập, Hoa kì và Ô-x-trây-li-a.

- Vị trí địa lí, thủ đô của mỗi quốc gia.
- Một số đặc điểm nổi bật của mỗi quốc gia.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Tìm và mô tả được vị trí của: châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực và các đại dương thế giới trên bản đồ hoặc quả Địa cầu.

– Sử dụng được tranh, ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm nổi bật của các châu lục và các đại dương trên thế giới.

– Đọc đúng tên và chỉ được một số địa danh nổi tiếng ở các châu lục nêu trên trên bản đồ (lược đồ).

– Nêu được một số đặc điểm nổi bật của một số nước đại diện cho các châu lục.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.4.1	Tim và mô tả được vị trí của: châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực và các đại dương thế giới trên bản đồ hoặc quả Địa cầu			
5.4.1.1	Tim trên bản đồ/quả Địa cầu và mô tả được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của các châu lục trên			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.4.1.2	Nhận biết và nêu được vị trí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa cầu			
5.4.2	Sử dụng được tranh, ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm nổi bật của các châu lục và các đại dương thế giới			
5.4.2.1	Nêu được châu Phi chủ yếu là cao nguyên; nóng và khô; dân cư chủ yếu là người da đen; trồng cây công nghiệp nhiệt đới			
5.4.2.2	Nêu được châu Mĩ: có nhiều đới khí hậu; người dân chủ yếu là nhập cư; có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp tiên tiến			
5.4.2.3	Nêu được: Lục địa Ô-x-trây-li-a; khí hậu khô hạn; hoang mạc và xavan là chủ yếu; các đảo và quần đảo: nóng ẩm; ít dân			
5.4.2.4	Nêu được châu Nam Cực: lạnh nhất thế giới, băng tuyết bao phủ quanh năm, chim cánh cụt là động vật tiêu biểu			
5.4.3	Đọc tên và chỉ được một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn của châu Phi, châu Mĩ, tên nước và thủ đô của các nước đại diện trên bản đồ			
5.4.3.1	Đọc đúng tên và chỉ được: châu Phi; hoang mạc Xa-ha-ra; nước Ai Cập, thủ đô Cai-rô			
5.4.3.2	Đọc đúng tên và chỉ được: nước Hoa Kì, thủ đô Oa-sinh-ton và 5 – 6 dãy núi/cao nguyên/sông,... ở châu Mĩ			
5.4.3.3	Đọc đúng tên và chỉ được: Châu Đại Dương; nước Ô-x-trây-li-a, thủ đô Can-be-ra			
5.4.4	Nêu được một số đặc điểm nổi bật của một số nước đại diện cho các châu lục trên			
5.4.4.1	Nêu được Ai Cập có nền văn minh cổ đại, nổi tiếng với các công trình kiến trúc cổ			
5.4.4.2	Nêu được Hoa Kì có nền kinh tế phát triển với nhiều ngành công nghiệp và nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới			
5.4.4.3	Nêu được, Ô-x-trây-li-a là nước có nền kinh – xã hội phát triển; cặng-gu-ru và gấu túi là thú đặc trưng			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 12 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

MÔN KHOA HỌC

LỚP 4

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 4 (2 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Trao đổi chất ở người

- Một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể người và môi trường.
- Vai trò của các cơ quan trong sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.

2. Nhu cầu dinh dưỡng

- Một số chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể.
- Dinh dưỡng hợp lí.
- An toàn thực phẩm.

3. Vệ sinh phòng bệnh

- Phòng một số bệnh do ăn thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng.
- Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hoá.

4. An toàn trong cuộc sống

- Phòng tránh tai nạn đuối nước.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Biết được sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.
- Nêu được các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng.
- Biết cách phòng tránh một số bệnh do ăn thiếu hoặc ăn thừa chất dinh dưỡng và các bệnh lây qua đường tiêu hoá và phòng tránh tai nạn đuối nước.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.1.1	Biết được sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.1.1.1	Vẽ được sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường và nêu được một số biểu hiện của sự trao đổi chất			
4.1.1.2	Kể được tên một số cơ quan trực tiếp tham gia vào quá trình trao đổi chất ở người			
4.1.2	Nêu được các chất dinh dưỡng có trong thức và vai trò của chúng			
4.1.2.1	Kể được các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể.			
4.1.2.2	Biết phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng			
4.1.2.3	Biết cách ăn uống đủ chất, điều độ, hợp lí để khoẻ mạnh. Biết một số cách bảo quản thức ăn			
4.1.3	Biết cách phòng tránh một số bệnh do ăn thiếu hoặc ăn thừa chất dinh dưỡng và các bệnh lây qua đường tiêu hoá			
4.1.3.1	Kể được tên, nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh do thiếu dinh dưỡng và các bệnh lây qua đường tiêu hoá			
4.1.3.2	Nêu được các biểu hiện và cách ăn uống khi bị bệnh			
4.1.4	Biết cách phòng tránh tai nạn đuối nước			
4.1.4.1	Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước			
4.1.4.2	Thực hiện được các quy tắc an toàn phòng tránh đuối nước			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I, MÔN KHOA HỌC, LỚP 4

Bảng tham chiếu đánh giá giữa học kì I lớp 4 gồm 3 tiêu chí và 9 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 7/9 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Như vậy có nhiều nhất là 2 chỉ báo đạt ở mức độ hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo ở mức độ hoàn thành: học sinh có thể vẽ được sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường (chỉ báo 4.1.1.1) nhưng việc trình bày còn ấp úng và nêu được các biểu hiện và cách ăn uống khi bị bệnh (chỉ báo 4.1.3.2) song còn chưa mạch lạc rõ ràng. 7 chỉ báo còn lại đều được thực hiện ở mức thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 8/9 chỉ báo ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành. Tức là có 1 chỉ báo không hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo không hoàn thành: học sinh chưa biết phân loại thức ăn theo các nhóm dinh dưỡng (chỉ báo 4.1.2.2). Nhưng 8 chỉ báo còn lại được cơ bản thực hiện hoặc thực hiện thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 2/9 chỉ báo chưa hoàn thành. Ví dụ như học sinh chưa nêu được tên, nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh do thiếu dinh dưỡng và các bệnh lây qua đường tiêu hoá (chỉ báo 4.1.3.1) và chưa nêu được các biểu hiện và cách ăn uống khi bị bệnh (chỉ báo 4.1.3.2).

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 4 (2 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Nước

- Tính chất của nước.
- Vai trò của nước.
- Sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

2. Không khí

- Tính chất, thành phần của không khí.
- Vai trò của không khí.
- Bảo vệ bầu không khí.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nêu được một số tính chất của nước và không khí; thành phần chính của không khí.
- Mô tả được vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.
- Nêu được vai trò của nước và không khí trong sinh hoạt, lao động sản xuất và vui chơi giải trí.
- Biết làm thí nghiệm đơn giản để chứng minh cho tính chất của nước và không khí.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

- 1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).
- 3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.2.1	Nêu được một số tính chất của nước và không khí; thành phần chính của không khí			
4.2.1.1	Nêu được một số tính chất và ba thể của nước			
4.2.1.2	Nêu được một số tính chất của không khí; nêu được thành phần chính của không khí gồm khí ni-tơ và khí ô-xi			
4.2.2	Mô tả được vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên			
4.2.2.1	Vẽ được sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên			
4.2.2.2	Mô tả vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên			
4.2.3	Biết được vai trò của nước và không khí trong sinh hoạt, lao động sản xuất và vui chơi giải trí			
4.2.3.1	Nêu được một số vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt			
4.2.3.2	Nêu được vai trò của không khí trong đời sống			
4.2.4	Biết làm một số thí nghiệm để chứng minh cho tính chất của nước và không khí			
4.2.4.1	Biết làm một số thí nghiệm để chứng minh cho tính chất của nước			
4.2.4.2	Biết làm một số thí nghiệm để chứng minh cho tính chất của không khí			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 4 (2 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Không khí

- Không khí cần cho sự cháy và sự sống.
- Tác hại của bão.

– Một số biện pháp bảo vệ bầu không khí trong lành.

2. Âm thanh

– Nguồn âm.

– Vai trò của âm thanh trong cuộc sống.

– Một số biện pháp chống tiếng ồn.

– Vật tự phát sáng và vật được chiếu sáng.

– Vật cho ánh sáng đi qua và vật cản sáng.

– Vai trò của ánh sáng. Sử dụng ánh sáng trong đời sống.

4. Nhiệt

– Nhiệt độ, nhiệt kế.

– Nguồn nhiệt, dẫn nhiệt và vật cách nhiệt.

– Vai trò của nhiệt. Sử dụng an toàn và tiết kiệm một số nguồn nhiệt trong sinh hoạt.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Nhận biết về vai trò của không khí đối với sự cháy và sự sống.

– Nhận biết về âm thanh, ánh sáng, nhiệt và vai trò của chúng đối với sự sống.

– Biết thực hiện các biện pháp sử dụng nhiệt an toàn và tiết kiệm.

– Biết thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân khi ánh sáng quá mạnh hoặc quá yếu, âm thanh quá to.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.3.1	Nêu được vai trò của không khí đối với sự cháy và sự sống			
4.3.1.1	Nêu được vai trò và ứng dụng của không khí đối với sự cháy và sự sống; biết được sự chuyển động của không khí: gió, bão			
4.3.1.2	Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí và một số biện pháp bảo vệ bầu không khí			
4.3.1.3	Làm thí nghiệm để chứng minh không khí cần cho sự cháy, không khí chuyển động tạo thành gió			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.3.2	Nhận biết về nhiệt			
4.3.2.1	Kể tên và nêu được vai trò của một số nguồn nhiệt			
4.3.2.2	Kể được tên một số vật dẫn nhiệt tốt và dẫn nhiệt kém			
4.3.2.3	Biết sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ cơ thể và thực hiện các biện pháp sử dụng nhiệt an toàn và tiết kiệm			
4.3.3	Nhận biết về ánh sáng			
4.3.3.1	Nêu được một số ví dụ về các vật tự phát sáng và vật được chiếu sáng. Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống			
4.3.3.2	Nhận biết được bóng tối ở phía sau vật cản sáng khi vật này được chiếu sáng			
4.3.3.3	Biết cách tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt và đọc, viết khi ánh sáng quá yếu			
4.3.	Nhận biết về âm thanh			
4.3.4.1	Biết được âm thanh do vật rung động phát ra; nêu được vai trò của âm thanh trong cuộc sống			
4.3.4.2	Nêu được ví dụ chứng tỏ âm thanh có thể truyền qua: chất khí, chất lỏng, chất rắn			
4.3.4.3	Biết được tác hại của tiếng ồn và thực hiện các quy định không gây tiếng ồn và phòng chống tiếng ồn trong cuộc sống			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 12 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 4, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 4 (2 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Trao đổi chất ở thực vật

– Nhu cầu không khí, nước, chất khoáng, ánh sáng, nhiệt.

– Sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường.

2. Trao đổi chất ở động vật

– Nhu cầu không khí, nước, chất khoáng, ánh sáng, nhiệt.

– Sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường.

3. Chuỗi thức ăn trong tự nhiên

– Một số ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

– Vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

– Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của thực vật và động vật

– Trình bày được sự trao đổi chất: giữa thực vật với môi trường; giữa động vật với môi trường; nêu được vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất

– Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi chất và quan hệ thức ăn

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 4)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.1	Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của thực vật và động vật			
4.4.1.1	Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của thực vật			
4.4.1.2	Nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của động vật			
4.4.2	Nhận biết được sự trao đổi chất giữa thực vật, động vật với môi trường và vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất			
4.4.2.1	Trình bày được sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường			
4.4.2.2	Trình bày được sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường			
4.4.2.3	Nêu được vai trò của thực vật đối với sự sống trên Trái Đất			
4.4.3	Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi chất và quan hệ thức ăn			
4.4.3.1	Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi chất giữa thực vật với môi trường			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
4.4.3.2	Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi chất giữa động vật với môi trường			
4.4.3.3	Vẽ được sơ đồ về quan hệ thức ăn trong tự nhiên			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ I, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 5 (2 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. Sự sinh sản và phát triển ở cơ thể người

- Sự sinh sản.
- Sự lớn lên và phát triển của cơ thể người.

2. Vệ sinh phòng bệnh

- Vệ sinh ở tuổi dậy thì.
- Phòng tránh một số bệnh truyền nhiễm.

3. An toàn trong cuộc sống

- Sử dụng thuốc an toàn.
- Không sử dụng các chất gây nghiện.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được sự sinh sản, sự lớn lên và phát triển của cơ thể người
- Biết cách vệ sinh phù hợp lứa tuổi và phòng một số bệnh lây truyền
- Biết một số kĩ năng sống an toàn

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến giữa học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.1	Nhận biết được sự sinh sản, sự lớn lên và phát triển của cơ thể người			
5.1.1.1	Biết cơ thể chúng ta được hình thành từ sự kết hợp giữa tinh trùng của bố và trứng của mẹ. Nhận biết mọi người đều do bố mẹ sinh ra và có một số đặc điểm giống với bố mẹ của mình			
5.1.1.2	Nêu được các giai đoạn phát triển của con người và một số thay đổi về sinh học và xã hội ở tuổi dậy thì			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.1.1.3	Biết tôn trọng bạn cùng giới và khác giới, không phân biệt nam, nữ			
5.1.2	Biết cách vệ sinh phù hợp lứa tuổi và phòng một số bệnh lây truyền			
5.1.2.1	Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì			
5.1.2.2	Thực hiện vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì			
5.1.2.3	Nêu được nguyên nhân, đường lây truyền và cách phòng tránh của ít nhất một trong số các bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não, viêm gan A			
5.1.3	Biết một số kĩ năng sống an toàn			
5.1.3.1	Nêu được một số tác hại của ma túy, thuốc lá, rượu bia			
5.1.3.2	Từ chối sử dụng rượu, bia, thuốc lá, ma túy			
5.1.3.3	Nêu được những điểm cần chú ý khi dùng thuốc, khi mua thuốc và xác định được khi nào nên dùng thuốc			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

VÍ DỤ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I, MÔN KHOA HỌC, LỚP 5

Bảng tham chiếu đánh giá giữa học kì I lớp 5 gồm 3 tiêu chí và 9 chỉ báo.

1. Mức hoàn thành tốt

Học sinh thực hiện được ít nhất 7/9 chỉ báo ở mức độ hoàn thành tốt và không có chỉ báo nào đạt ở mức chưa hoàn thành. Như vậy có nhiều nhất là 2 chỉ báo đạt ở mức độ hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo ở mức độ hoàn thành: học sinh có thể nêu được một số tác hại của ma túy, thuốc lá, rượu bia (chỉ báo 5.1.3.1) nhưng việc trình bày còn áp úng và nêu được những việc nên và không nên làm gì để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì (chỉ báo 5.1.2.1) song còn chưa mạch lạc rõ ràng. 7 chỉ báo còn lại đều được thực hiện ở mức thành thạo.

2. Mức hoàn thành

Học sinh thực hiện được 8/9 chỉ báo ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành. Tức là có 1 chỉ báo còn ở mức không hoàn thành. Ví dụ cho chỉ báo không hoàn thành: học sinh chưa nêu được

các giai đoạn phát triển của con người và một số thay đổi về sinh học và xã hội ở tuổi dậy thì (chỉ báo 5.1.1.2). Nhưng 8 chỉ báo còn lại được cơ bản thực hiện hoặc thực hiện thành thạo.

3. Mức chưa hoàn thành

Học sinh có ít nhất 2/9 chỉ báo chưa hoàn thành. Ví dụ như học sinh vừa chưa nêu được các giai đoạn phát triển của con người và một số thay đổi về sinh học và xã hội ở tuổi dậy thì (chỉ báo 5.1.1.2) lại vừa chưa nêu được một số tác hại của ma túy, thuốc lá, rượu bia (chỉ báo 5.1.3.1),...

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ I, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 5 (2 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì I, những nội dung đã hoàn thành:

1. An toàn trong cuộc sống

- Phòng tránh bị xâm hại.
- Phòng tránh tai nạn giao thông.

2. Đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu thường dùng

- Tre, mây, song.
- Sắt, gang, thép, đồng, nhôm.
- Đá vôi, gạch, ngói, xi măng, thủy tinh.
- Cao su, chất dẻo, tơ sợi.

B. Chuẩn kiến thức, kỹ năng

- Biết một số kỹ năng sống an toàn.
- Biết đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu thường dùng.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì I (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng Khoa học, đến cuối học kì I, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.2.1	Biết một số kỹ năng sống an toàn			
5.2.1.1	Nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh HIV/AIDS			
5.2.1.2	Nêu được một số quy tắc an toàn cá nhân để phòng tránh bị xâm hại			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.2.1.3	Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông đường bộ			
5.2.2	Biết đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu: sắt, gang, thép, đồng, nhôm			
5.2.2.1	Nêu được một số ứng dụng trong sản xuất và đời sống của ít nhất một trong các vật liệu sắt, gang, thép, đồng, nhôm			
5.2.2.2	Biết cách bảo quản một số đồ dùng làm từ các vật liệu sắt, gang, thép, đồng, nhôm			
5.2.3	Biết đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu: cao su, chất dẻo, thủy tinh, tơ sợi			
5.2.3.1	Quan sát, nhận biết và nêu được một số tính chất và công dụng của ít nhất một trong các vật liệu cao su, chất dẻo, thủy tinh, tơ sợi			
5.2.3.2	Nhận biết và nêu được một số công dụng, cách bảo quản các đồ dùng bằng cao su, chất dẻo, thủy tinh, tơ sợi			
5.2.4	Biết đặc điểm và ứng dụng của một số vật liệu: đá vôi, xi măng, gạch ngói			
5.2.4.1	Quan sát, nhận biết và nêu được một số tính chất và công dụng của ít nhất một trong các vật liệu đá vôi, xi măng, gạch ngói			
5.2.4.2	Nêu được một số công dụng, cách bảo quản đá vôi, xi măng, thủy tinh			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 4 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, GIỮA HỌC KÌ II, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 5 (2 tiết/tuần), tại thời điểm giữa học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Sự biến đổi của chất

- Ba thể của chất.
- Hỗn hợp và dung dịch.
- Sự biến đổi hoá học.

2. Sử dụng năng lượng

- Năng lượng than đá, dầu mỏ, khí đốt.
- Năng lượng mặt trời, gió, nước.
- Năng lượng điện.

3. Sự sinh sản của thực vật

- Cơ quan sinh sản.
- Trồng cây bằng hạt, thân, lá, rễ.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được sự biến đổi của chất
- Biết cách sử dụng các dạng năng lượng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả
- Nhận biết được sự sinh sản của thực vật

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá giữa học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến giữa học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.1	Nhận biết được sự biến đổi của chất			
5.3.1.1	Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí			
5.3.1.2	Nêu được một số ví dụ về hỗn hợp, dung dịch. Thực hành tách các chất ra khỏi một số hỗn hợp			
5.3.1.3	Nêu được một số ví dụ về biến đổi hoá học xảy ra			
5.3.2	Biết cách sử dụng năng lượng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả			
5.3.2.1	Nêu được ví dụ về việc sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, và năng lượng nước chảy trong đời sống và sản xuất			
5.3.2.2	Kể được tên một số loại chất đốt. Nêu được một số biện pháp phòng chống cháy, bỏng, ô nhiễm khi sử dụng chất đốt. Biết tiết kiệm chất đốt			

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.3.2.3	Kể tên một số đồ dùng, máy móc sử dụng điện. Nêu được một số quy tắc cơ bản sử dụng an toàn, tiết kiệm điện. Có ý thức tiết kiệm điện			
5.3.3	Nhận biết được sự sinh sản của thực vật			
5.3.3.1	Nhận biết hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa. Chỉ và nói tên các bộ phận của hoa trên tranh vẽ hoặc hoa thật			
5.3.3.2	Kể được tên một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng, hoa thụ phấn nhờ gió			
5.3.3.3	Chỉ trên hình vẽ hoặc vật thật cấu tạo của hạt. Kể được tên một số cây có thể mọc các bộ phận của cây mẹ			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 90 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			

LỚP 5, CUỐI HỌC KÌ II, MÔN KHOA HỌC

A. Nội dung chương trình

Chương trình Khoa học lớp 5 (2 tiết/tuần), tại thời điểm cuối học kì II, những nội dung đã hoàn thành:

1. Sự sinh sản của động vật

- Một số động vật đẻ trứng.
- Một số động vật đẻ con.

2. Môi trường và tài nguyên

- Môi trường.
- Tài nguyên thiên nhiên.

3. Mối quan hệ giữa môi trường và con người

- Vai trò của môi trường đối với con người.
- Tác động của con người đối với môi trường.
- Một số biện pháp bảo vệ môi trường.

B. Chuẩn kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết sự sinh sản của động vật.

– Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường và tài nguyên thiên nhiên để có cách ứng xử phù hợp nhằm bảo vệ môi trường.

C. Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối học kì II (Lớp 5)

Theo dõi qua đánh giá thường xuyên các biểu hiện hành vi của học sinh, dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng Khoa học, đến cuối học kì II, giáo viên lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): học sinh chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): học sinh cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): học sinh thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
5.4.1	Nhận biết sự sinh sản của động vật			
5.4.1.1	Kể được tên một số động vật đẻ trứng và đẻ con			
5.4.1.2	Nêu được ví dụ về sự nuôi và dạy con của một số loài thú			
5.4.1.3	Thể hiện sự sinh sản của côn trùng, ếch bằng sơ đồ			
5.4.2	Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường và tài nguyên thiên nhiên			
5.4.2.1	Nêu được một số ví dụ về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, một số thành phần của môi trường địa phương			
5.4.2.2	Nêu được vai trò của môi trường, ích lợi của tài nguyên thiên nhiên			
5.4.2.3	Nêu được tác động của con người đến môi trường: rừng, đất, nước và không khí			
5.4.3	Biết cách bảo vệ môi trường			
5.4.3.1	Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường			
5.4.3.2	Thực hiện được một số biện pháp bảo vệ môi trường			

D. Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 8 chỉ báo)

Xếp mức	CHT	HT	HTT
Số chỉ báo			
Đạt mức			